

TỔNG KẾT QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUAN HỆ TỐ TỤNG DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TRONG TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH TƯ PHÁP

Đất nước ta đang đà phát triển và hội nhập quốc tế, mở ra con đường mới làm thay đổi cuộc sống của nhân dân, xóa bỏ nền kinh tế bao cấp thay vào đó là nền kinh tế thị trường, cuộc sống giao thương hội nhập có nhiều sự đổi mới. Chính vì thế đã kéo theo nhiều chính sách pháp luật của nước ta phải thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế của xã hội. Cải cách tư pháp là vấn đề qua trọng cấp bách mà Đảng và nhà nước ta đã đặt ra. Đặc biệt là Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”.

Việc cải cách tư pháp nói chung và trong lĩnh vực dân sự có yếu tố nước ngoài nói riêng, đây là khâu quan trọng nhằm đáp ứng được sự hội nhập quốc tế ở nước ta. Để tìm hiểu các vấn đề liên quan đến cách tư pháp cách tư pháp trong lĩnh vực dân sự có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Dân sự. Chúng ta nghiên cứu các vấn đề sau theo tiến trình: 1) *Xác định thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài;* 2) *Uỷ thác và nhận uỷ thác một số hành vi tố tụng dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài;* 3) *Công nhận và cho thi hành cưỡng bức các quyết định của toà án nước ngoài.*

1. Xác định thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

Để giải quyết các vụ án dân sự không có yếu tố nước ngoài. Sau khi các bên khởi kiện cần xác định thẩm quyền chung của tòa án, xác định một tòa án cụ thể có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 BLTTDS thì thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự theo lãnh thổ được xác định. Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở. Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn...).

Nhưng khác biệt với các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài. Là các quan hệ pháp luật dân sự có yếu tố chủ thể là người nước ngoài, đối tượng của quan hệ là tài sản ở nước ngoài hoặc sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ xảy ra tại nước ngoài, chịu sự điều chỉnh của nhiều hệ thống pháp luật khác nhau. Trước tiên các bên phải xác định được thẩm quyền của các tòa án quốc gia đó vì các hệ thống pháp luật có cách tiếp cận và quy định cụ thể thường rất khác nhau. Khi các bên xác định thẩm quyền của tòa án cụ thể thì việc xác định thẩm quyền của các tòa án một quốc gia trong các vụ việc mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài

được gọi là xác định thẩm quyền quốc tế. Ví dụ, toà án A của một quốc gia nhận được đơn kiện về vụ việc dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài, khi đó toà án A phải giải đáp vấn đề liệu các toà án của quốc gia đó nói chung có thẩm quyền giải quyết hay không? Việc xác định thẩm quyền theo cách thức như vậy là việc xác định thẩm quyền quốc tế. Sau khi đã căn cứ vào pháp luật, toà án A khẳng định rằng các toà án của quốc gia mình có thẩm quyền, vấn đề tiếp theo (cuối cùng) của việc xác định thẩm quyền mới là chính toà án A có thẩm quyền không?

Trong các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài, các bên chưa nhận rõ ý nghĩa của việc áp dụng quy phạm xung đột đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khi ký kết hợp đồng các bên phải xác định thẩm quyền quốc tế có liên quan rất mật thiết tới việc xác định hệ thống pháp luật điều chỉnh, để giải quyết khi có vấn đề phát sinh tranh chấp. Khi đã xác định được quốc gia nhận đơn, các bên phải xác định hệ thống pháp luật được áp dụng để điều chỉnh trực tiếp vụ việc đó ra sao.

Khi tham gia vào các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài, hệ thống pháp luật được lựa chọn phải căn cứ vào các quy phạm xung đột của chính quốc gia toà án mà các bên đã xác định. Trong hệ thống pháp luật có cách tiếp cận và quy định cụ thể thường rất khác nhau, có nước tham gia các điều ước quốc tế có nước không. Để các bên sẽ xác định các quy phạm xung đột chỉ dẫn hệ thống pháp luật điều chỉnh hành vi của mình thì các bên phải xác định được thẩm quyền quốc tế của một quốc gia nhất định, (mặc dù rằng các tranh chấp trên thực tế chưa hoặc có thể không xảy ra).

Trong thực tế khi xác định thẩm quyền quốc tế ở các quốc gia trên thế giới được tiến hành theo các cách thức khác nhau. Ví dụ như pháp luật của Cộng hòa Pháp để xác định thẩm quyền quốc tế chủ yếu theo nguyên tắc quốc tịch của các bên tranh chấp, toà án Pháp sẽ có thẩm quyền khi một bên tranh chấp có quốc tịch của Pháp.

Quy định chỉ xác định thẩm quyền quốc tế chủ yếu theo quốc tịch, không phụ thuộc vào việc bị đơn cư trú ở đâu và tài sản tranh chấp có ở trong hay ngoài lãnh thổ Pháp (Điều 14 Bộ luật Dân sự năm 1804).

Ngoài ra, toà án Pháp còn có thẩm quyền giải quyết các vụ tranh chấp liên quan tới bất động sản ở Pháp (Điều 15 Bộ luật Dân sự năm 1804). Ví dụ, nếu tranh chấp về bất động sản ở Pháp giữa người nước ngoài với nhau thì toà án Pháp cũng có thẩm quyền giải quyết theo cách thức như vậy. Toà án Pháp không có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp giữa cá nhân và pháp nhân nước ngoài khi các tranh chấp đó không liên quan tới bất động sản ở Pháp. Vì vậy, thực tiễn xét xử ở Pháp còn tiến hành theo hai cách thức bổ sung: bị đơn cư trú ở Pháp và nơi đâm va tàu thuyền ở Pháp. Ví dụ, nếu

công dân Việt Nam muốn kiện nhau hoặc kiện công dân nước ngoài khác tại toà án Pháp chỉ khi biết rằng bị đơn cư trú ở Pháp, hoặc vụ kiện về đâm va tàu thuyền xảy ra ở lãnh thổ Pháp, hoặc bất động sản là đối tượng của vụ tranh chấp ở Pháp.

Trong khi đó pháp luật Đức tiến hành chủ yếu theo dấu hiệu nơi cư trú của bị đơn. Để xác định thẩm quyền quốc tế pháp luật của Đức cũng như nhiều quốc gia, nơi cư trú của bị đơn đối với pháp nhân là nơi có trụ sở. Theo cách này công dân hoặc pháp nhân Việt Nam muốn kiện tại toà án Đức phải xác định xem bị đơn có cư trú ở đó hay không?

Cùng trong khu vực nhưng hệ thống các toà án Anh, Mỹ xác định thẩm quyền quốc tế chủ yếu theo nguyên tắc nơi có mặt của bị đơn. Như vậy, toà án Anh và Mỹ sẽ có thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài khi bị đơn có mặt tại đó. Ngoài nguyên tắc này, toà án Anh còn xác định thẩm quyền quốc tế theo dấu hiệu khu đất ở Anh (khi vụ kiện liên quan tới đất đai) hoặc nơi cư trú của bị đơn (khi vụ kiện liên quan tới lợi ích người thứ ba). Như vậy theo các cách đó, công dân hoặc pháp nhân Việt Nam chỉ có thể khởi kiện tại toà án Anh khi xác định rằng bị đơn có mặt tại đó (đối với pháp nhân có trụ sở hoặc văn phòng đại diện) hoặc nơi cư trú ở đó (khi vụ kiện liên quan tới lợi ích người thứ ba).

Pháp luật Việt Nam chưa có quy định rõ ràng về thẩm quyền quốc tế, chưa bao quát hết và giải quyết tốt vấn đề xác định và áp dụng pháp luật đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, quan điểm chung là giải quyết theo các nguyên tắc phân định thẩm quyền trong lĩnh vực tố tụng dân sự theo nghĩa rộng không có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên, về cấp độ, toà án có thẩm quyền là toà án nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương.

Chúng ta thấy việc điều chỉnh pháp luật các quốc gia trên thế giới phân định thẩm quyền dân sự quốc tế hoàn toàn khác với việc phân định thẩm quyền trong việc giải quyết các vụ việc dân sự không có yếu tố nước ngoài. Việt Nam chúng ta chưa có các quy định cụ thể về việc phân định thẩm quyền quốc tế trong các văn bản pháp luật cũng gây ra khó khăn không chỉ cho các toà án trong việc xác định thẩm quyền của mình mà còn cho các bên trong việc không chỉ khởi kiện mà còn xác định quyền và nghĩa vụ cụ thể.

Trong thực tế cam kết quốc tế của Việt Nam. Từ những năm 1980 đến nay, Việt Nam đã tiến hành ký kết nhiều Hiệp định/ Thỏa thuận tương trợ tư pháp với các quốc gia trong khu vực và thế giới, Việt Nam đã mở rộng việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế trong lĩnh vực tư pháp quốc tế, đặc biệt là sau khi trở thành thành viên của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế vào tháng 4/2013. Như vậy, việc ban hành một số Bộ luật, trong đó có Bộ luật Tố tụng Dân sự đổi bổ sung các quy định về pháp luật áp

dụng với các quan hệ dân sự có YTNN thì khoảng cách giữa pháp luật trong nước và các chuẩn mực chung đã được quốc tế thừa nhận càng xa hơn, trong quá trình hội nhập toàn diện của Việt Nam.

2. Ủy thác và nhận ủy thác một số hành vi tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài

Ủy thác tư pháp là tòa án của một nước nhờ tòa án của nước ngoài thực hiện giúp các hành vi tố tụng dân sự để bảo đảm giải quyết các vụ việc có yếu tố nước ngoài. Vì trong thức tế tòa án của một nước chỉ thực hiện các hành vi tố tụng trong lãnh thổ của mình. Khi có những hành vi tố tụng cần thiết ở nước ngoài, muốn thực hiện được công việc đó thì phải có sự nhất trí của quốc gia nơi cần thực hiện. Chính vì vậy, các hành vi tố tụng được tiến hành ở nước ngoài chỉ có thể trên cơ sở ủy thác tư pháp quốc tế. Các hình thức ủy thác tư pháp rất phong phú và khác nhau, sự ủy thác để giải quyết hành vi tố tụng là rất cần thiết, bởi nếu không có sự trợ giúp như vậy thì vụ việc sẽ không được giải quyết khách quan hoặc vi phạm các thủ tục tố tụng thông thường. Đây cũng là tiền đề cho các nước tiến hành ký kết tương trợ tư pháp. Trong ủy thác tư pháp quốc tế thường tiến hành trình tự theo cách thức 1, *Trao các giấy tờ cho những người liên quan*, 2. *Thực hiện một số hành vi tố tụng*.

Mỗi quốc gia trên thế giới có hệ thống pháp luật khác nhau và có những nguyên tắc khác nhau. *Việc ủy thác tư pháp quốc tế trao các giấy tờ cho những người liên quan được tiến hành như sau:* Một vụ việc xảy ra tại Đức tòa án tiến hành mở thừa kế trong khi đó có một người trong số thừa kế cư trú ở Việt Nam. Lúc này tòa án Đức sẽ có văn bản ủy thác cho tòa án Việt Nam để trao giấy tờ cần thiết cho người thừa kế, không chỉ đơn giản như vậy mà tòa án, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam phải tìm hiểu và có các căn cứ để khẳng định đó là người thừa kế và người đó đã nhận các giấy tờ cũng như hiểu rõ các nội dung liên quan. Nếu cần các chứng cứ để xác nhận hay phỏng vấn nhân chứng thì tòa án quốc gia ủy thác phải chuẩn bị danh mục các chứng cứ cần thu thập hoặc các câu hỏi cần phỏng vấn để cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi đương sự cư trú tiến hành thực hiện yêu cầu đó.

Để thực hiện một số hành vi tố tụng của các quốc gia chúng ta nhận thấy sự ủy thác tư pháp được tiến hành các bước sau;

- Tòa án có thẩm quyền của một nước ủy thác trực tiếp cho tòa án có thẩm quyền của quốc gia được ủy thác. Ví dụ, khi giải quyết vấn đề về cấp dưỡng, tòa án một tỉnh A của một quốc gia yêu cầu tòa án tỉnh B của quốc gia khác nơi bị đơn cư trú thông báo về mức thu nhập thực tế của bị đơn.

- Tòa án quốc gia uỷ thác yêu cầu Bộ Ngoại giao của mình chuyển cho Bộ Ngoại giao quốc gia nhận uỷ thác để chuyển tới tòa án có thẩm quyền của quốc gia đó yêu cầu uỷ thác của mình.

- Tòa án quốc gia uỷ thác giao cho chuyên viên của mình trực tiếp làm nhiệm vụ thực hiện một số hành vi tố tụng tại quốc gia nhận uỷ thác. Cách thức này được Anh và Mỹ áp dụng.

- Tòa án quốc gia uỷ thác nhờ trực tiếp Bộ Tư pháp (hoặc Viện kiểm sát) của quốc gia nhận uỷ thác thực hiện yêu cầu của mình.

Các bước tiến hành uỷ thác tư pháp được thực hiện theo pháp luật các quốc gia nơi tiến hành uỷ thác, theo các hiệp định tương trợ tư pháp mà các nước đã ký kết với nhau cũng như căn cứ vào các điều ước quốc tế.

Trong mỗi quốc gia pháp luật và các điều ước quốc tế ghi nhận các nguyên tắc nhận uỷ thác khác nhau, chúng ta còn có các nguyên tắc: nguyên tắc có đi có lại; nguyên tắc không tổn hại tới an ninh quốc gia và trật tự công cộng của pháp luật quốc gia toà án; nguyên tắc áp dụng pháp luật quốc gia toà án.

Nguyên tắc có đi có lại là việc uỷ thác tư pháp hai bên cùng làm một việc tương tự, được thực hiện theo cách thức, quốc gia A chỉ thực hiện sự uỷ thác của quốc gia B nếu có cơ sở để chứng minh rằng quốc gia B cũng làm như vậy trong trường hợp tương tự.

Nguyên tắc thực hiện uỷ thác không ảnh hưởng tới an ninh và trật tự công cộng được áp dụng rất khác nhau. Thực tiễn giải quyết ở các quốc gia cho thấy rằng, vấn đề đó phần nhiều phụ thuộc vào quan điểm của quốc gia nơi nhận uỷ thác. Ví dụ Tòa án Việt Nam không chấp nhận thực hiện việc uỷ thác tư pháp của Tòa án nước ngoài trong các trường hợp. Việc thực hiện uỷ thác tư pháp xâm phạm đến chủ quyền của Việt Nam hoặc đe dọa đến an ninh của Việt Nam; Việc thực hiện uỷ thác tư pháp không thuộc thẩm quyền của Tòa án Việt Nam.

Nguyên tắc pháp luật quốc gia toà án được thực hiện trong suốt quá trình tố tụng dân sự quốc tế chứ không chỉ có trong trường hợp uỷ thác tư pháp quốc tế. Trong trường hợp uỷ thác tư pháp quốc tế, nguyên tắc đó được áp dụng theo cách thức các cơ quan nhận uỷ thác tiến hành các hành vi tố tụng theo quy định pháp luật của mình (trừ một số trường hợp ngoại lệ trên cơ sở điều ước).

Pháp luật Việt Nam luôn coi việc uỷ thác tư pháp cho Tòa án nước ngoài hoặc thực hiện uỷ thác tư pháp của Tòa án nước ngoài về việc tiến hành một số hoạt động tố tụng dân sự theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc theo nguyên tắc có đi có lại, bình đẳng cùng có lợi, không trái với chủ quyền và

an ninh quốc gia. Việt Nam cũng quy định một số nội dung cơ bản của việc ủy thác tư pháp cho tòa án nước ngoài trong Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, nhưng không quy định rõ, việc ủy thác được tiến hành qua các kênh ngoại giao hay trực tiếp qua các cơ quan tư pháp có thẩm quyền tiến hành các hoạt động đó. Trong thực tế và theo thông lệ quốc tế, một số hoạt động tố tụng, việc ủy thác đều tiến hành qua kênh ngoại giao. Mọi thủ tục tố tụng tiến hành hoạt động này nếu được quy định rõ các trình tự các bước thì tốt hơn. Vì trong mọi hoạt động pháp luật phải bảo đảm sự minh bạch và lợi ích chính đáng của các bên, cũng như thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này phát triển bền vững trong mọi mặt.

3. Về công nhận và thực thi các quyết định của tòa án nước ngoài

Xuất phát từ nguyên tắc chủ quyền quốc gia trong mọi lĩnh vực, trong đó lĩnh vực luật quốc tế. Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó công nhận và thi hành các quyết định của tòa án quốc gia đó. Điều này xuất phát từ nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, các quốc gia có quyền quyết định công nhận và thực thi các quyết định của tòa án và trọng tài nước ngoài tại lãnh thổ của mình trong các điều kiện xác định. Các quan hệ mang tính chất dân sự không có yếu tố nước ngoài, việc công nhận và thực thi các quyết định của tòa án nước ngoài ít khi xảy ra. Nhưng trong lĩnh vực quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài thì thường xuyên đặt ra. Trong thời kỳ phát triển hội nhập quốc tế, sự phát triển các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài ngày một gia tăng và không thể tránh được các hành vi dân sự và làm nảy sinh nhiều trường hợp tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của quốc gia này phải giải quyết vấn đề về công nhận và thi hành quyết định của tòa án quốc gia khác trên lãnh thổ của mình.

Trước sự hội nhập chung của thế giới, việc ủy thác tư pháp cũng như thân gia ký kết hỗ trợ tư pháp giữa các nước trong khu vực cũng như thế giới ngày càng chặt chẽ hơn. Khi đó tòa án của nước ngoài cũng như tòa án của quốc gia sở tại là cơ quan tài phán trong hệ thống tòa án của một quốc gia. Nhưng tòa án quốc gia sở tại, tòa án nước ngoài được thành lập và hoạt động trên cơ sở của pháp luật nước ngoài. Tòa án nước ngoài có thể ra các quyết định về các vụ việc khác nhau như hành chính, hình sự, kinh tế, dân sự, lao động và hôn nhân gia đình...

Ở lĩnh vực tư pháp quốc tế thì quyết định của tòa án nước ngoài là quyết định của tòa án nước ngoài, đó chỉ là các vụ việc mang tính chất dân sự, nó mang tính chất là các bản án, kinh tế, lao động và hôn nhân gia đình của tòa án quyết định dân sự của tòa án nước ngoài.

Các quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam hệ thống tòa án khác nhau và việc phân chia các ngành luật trong hệ thống pháp luật cũng không giống nhau. Chính

vì thế chúng ta cần phải hiểu rõ yếu tố quan trọng nhất để xác định vấn đề quyết định nào được xem là quyết định của toà án nước ngoài ở đây là tính chất dân sự theo nghĩa rộng của các vụ việc mà toà nước ngoài giải quyết. Nếu không chúng ta sẽ sai lầm nếu cho rằng quyết định của toà án nước ngoài ở đây là các quyết định của toà án dân sự nước ngoài hoặc là các quyết định và bản án dân sự của toà án nước ngoài. Đây chính là đặc điểm của quan hệ xã hội tư pháp quốc tế cần phải hoàn thiện để phù hợp

Để góp phần mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với nước ngoài, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh Công nhận và thi hành ngày 17 tháng 4 năm 1993, để có được kết quả việc thi hành quyết định của toà án nước ngoài là một trong những vấn đề tố tụng dân sự quốc tế. Tại Điều 1 của pháp lệnh nêu rõ: “Bản án quyết định dân sự của toà án nước ngoài được hiểu là bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định khác của toà án nước ngoài mà pháp luật Việt Nam quy định là bản án, quyết định dân sự”.

Pháp lệnh Công nhận và thi hành ngày 17 tháng 4 năm 1993 có hiệu lực là công nhận và thi hành quyết định của toà án nước ngoài là một trong những vấn đề tố tụng dân sự quốc tế. Mọi thủ tục và các điều kiện để xem xét công nhận để thực thi quyết định của toà án nước ngoài cũng được tiến hành trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự quốc tế.

Tất cả các quyết định mang tính chất dân sự của toà án nước ngoài là kết quả của quá trình giải quyết các tranh chấp mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài ở quốc gia khác, điều đó chỉ cần công nhận và thi hành tại nơi ra quyết định. Nhưng trong thực tế có trường hợp quyết định trên cần được công nhận và thi hành tại lãnh thổ quốc gia khác. Lúc này toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền sẽ ra quyết định công nhận hay không công nhận quyết định của toà án nước ngoài. Vì trong Pháp lệnh Công nhận và thi hành 1993 chưa quy định rõ vấn đề công nhận và thực thi quyết định của toà án nước ngoài tại Việt Nam vì các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, thì khái niệm dân sự được hiểu theo nghĩa hẹp.

Để đánh giá kết quả việc công nhận và thi hành quyết định của toà án nước ngoài, chúng ta phải xác định một số quyết định, các quyết định công nhận thường là các quyết định của toà án nước ngoài về tuyên bố mất tích, xác nhận sự kiện chết, hôn nhân vô hiệu, xác nhận cha cho con, ly hôn. Còn quyết định cần được thi hành một cách cưỡng bức là các quyết định không mang tính chất tài sản, vì vậy, sự cưỡng chế ở đây là không cần thiết. Tuy nhiên, sự công nhận hay không công nhận có ý nghĩa rất quan trọng. Ví dụ, nếu như công nhận quyết định ly hôn của toà án nước

ngoài thì việc cho phép kết hôn tiếp đối với các bên mới có thể được thực hiện (đối với các quốc gia ghi nhận chế độ một vợ một chồng). Điều quan tâm nhất của các Doanh nghiệp kinh tế thương mại là các bản án, quyết định của tòa án nước ngoài được giải quyết ra sao.? Khi Bộ luật Tố tụng Dân sự có hiệu lực

Các quyết định các quyết định mang tính chất tài sản như các quyết định về chia di sản thừa kế, nghĩa vụ cấp dưỡng, chia tài sản khi ly hôn, bồi thường thiệt hại trong hoặc ngoài hợp đồng..Khi có quyết định của tòa án nước ngoài không chỉ cần công nhận mà còn cần được thi hành một cách cưỡng bức. Ví dụ, tòa án Đức ra quyết định về cấp dưỡng nuôi con sống cùng mẹ ở Đức đối với công dân Việt Nam (cha của đứa trẻ đó), thì khi đó việc công nhận và thi hành quyết định trên tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nơi công dân trên cư trú là cần thiết.

Để có được việc công nhận và thi hành quyết định của tòa án nước ngoài giải quyết các hành vi mang tính chất dân sự là một việc làm cần thiết của các quốc gia, nó mang ý nghĩa rất quan trọng với chính các quốc gia nơi quyết định cần được công nhận và thi hành vì sự tôn trọng luật pháp của mỗi quốc gia, cũng như sự tin tưởng của sự hợp tác đối ngoại của cả bên

Việc công nhận quyết định mang tính chất dân sự của tòa án nước ngoài là một việc làm cần thiết của các quốc gia, để bảo vệ quyền lợi chính đáng của các cá nhân và pháp nhân nước ngoài. Vì các quan hệ các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài phát triển đương nhiên làm nảy sinh các tranh chấp có yếu tố nước ngoài và có thể được giải quyết ở tòa án nước ngoài. Được các cơ quan có thẩm quyền công nhận và thi hành quyết định của tòa án đó với các điều kiện phù hợp sẽ bảo vệ được lợi ích chính đáng của cá nhân và pháp nhân nước ngoài. Ví dụ, có một người nước ngoài được hưởng di sản thừa kế ở Việt Nam theo quyết định của tòa án nước ngoài. Nếu như tòa án Việt Nam không công nhận và thi hành quyết định đó, người nước ngoài trên sẽ không thể được hưởng di sản ấy trong trường hợp người chiếm hữu di sản đó không tự nguyện thực hiện. Và việc không công nhận và thi hành quyết định của tòa án nước ngoài có thể làm thiệt hại tới lợi ích chính đáng của công dân và pháp nhân của quốc gia nơi quyết định đó cần được công nhận và thi hành. Ví dụ, nếu quyết định của tòa án nước ngoài về quan hệ trong hợp đồng không được công nhận và thực thi tại Việt Nam trong các điều kiện phù hợp, thì các cá nhân và pháp nhân Việt Nam khó có thể tham gia vào các quan hệ hợp đồng với các bên nước ngoài trong tương lai (bởi các cá nhân và pháp nhân nước ngoài sẽ nhìn thấy trước rủi ro lớn đối với họ trong trường hợp phía Việt Nam vi phạm hợp đồng). Điều này gây thiệt hại cho họ?

Như chúng ta thấy, việc công nhận và thi hành phán quyết của tòa án nước ngoài trong một số trường hợp bảo vệ được lợi ích chính đáng của các bên là cơ sở để quyết

định của toà án quốc gia đó được công nhận và thi hành tại nước ngoài tương ứng (trong trường hợp các quốc gia thực hiện chính sách có đi có lại). Việc công nhận và thi phán quyết của toà án nước ngoài có ý nghĩa rất quan trọng nó không chỉ trong phạm vi bảo vệ lợi ích của cá nhân và pháp nhân quốc gia nơi quyết định cần được công nhận và thi hành mà còn đảm bảo hiệu quả của quyết định toà án quốc gia đó ngoài lãnh thổ trong trường hợp cần thiết.

Việc công nhận và thi hành quyết định của toà án nước ngoài là rất quan trọng trong việc thúc đẩy các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài phát triển và các mối quan hệ khác. Trong các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài phụ thuộc vào không chỉ hoạt động công nhận và thi hành quyết định của toà án nước ngoài ở các quốc gia mà còn phụ thuộc vào các vấn đề như giải quyết xung đột pháp luật, phân định thẩm quyền quốc tế, uỷ thác tư pháp quốc tế. Chúng ta không công nhận và thi hành quyết định của toà án nước ngoài hay giải quyết không phù hợp (công nhận và thi hành trong mọi trường hợp hoặc quá chặt chẽ) dẫn tới việc giải quyết các vấn đề khác gây hệ lụy và không có hiệu quả. Ví dụ, việc giải quyết xung đột pháp luật phù hợp sẽ giúp các quan toà ra được quyết định chuẩn xác bảo vệ được lợi ích chính đáng của các bên. Song nếu việc công nhận và thi hành bị trục trặc thì quyết định trên của toà chỉ mang tính chất đạo đức.

Tại Việt Nam hiện nay chúng ta có Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định dân sự của toà án nước ngoài năm 1993, Thông tư số 04 TTLN ngày 24/7/1993 của Bộ Tư pháp đã quy định, Toà án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành công nhận và thi hành quyết định của toà án nước ngoài tại Việt Nam và một số hiệp định tương trợ tư pháp mà nước ta ký kết. Điều này cho thấy việc công nhận và thi hành quyết định của toà án nước ngoài là mắt xích rất quan trọng của hệ thống dây chuyền trong việc uỷ thác tư pháp.

Đây là văn bản pháp lý đầu tiên của nước ta công nhận và thi hành quyết định của toà án nước ngoài tại Việt Nam. Pháp lệnh năm 1993 ghi nhận các vấn đề như khái niệm, quyết định của toà án dân sự nước ngoài, nguyên tắc, điều kiện và thủ tục công nhận, nhưng chưa quy định rõ vấn đề công nhận và thực thi quyết định của toà án nước ngoài tại Việt Nam vì các quy định của pháp luật Việt Nam vẫn bị chông chéo.

Trong Pháp lệnh năm 1993 quy định bốn nguyên tắc công nhận và thi hành quyết định dân sự của toà án có yếu tố nước ngoài là:

- 1) Xét công nhận và thi hành trên cơ sở điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết và theo quy định của pháp luật;
- 2) Nguyên tắc toà án Việt Nam ra quyết định công nhận và thi hành;

3) quyết định dân sự của toà án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam và không có đơn yêu cầu không công nhận, thì đương nhiên được công nhận tại Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết hoặc tham gia;

4) Tòa án Việt Nam chỉ xem xét việc không công nhận bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam khi có đơn yêu cầu không công nhận.

Qua những nguyên tắc trên ta thấy đối với các bản án và quyết định dân sự của toà án nước ngoài cần được thi hành tại Việt Nam là bắt buộc . Còn đối với bản án và quyết định dân sự của toà án nước ngoài họ chỉ cần toà án Việt Nam công nhận, khi ký kết ủy thác tư pháp các bên đã quy định trong điều ước quốc tế và không có yêu cầu không công nhận.

Trong khi ký kết các điều ước quốc tế cũng như quy định trong Pháp lệnh các điều kiện không công nhận và thi hành tại Việt Nam bản quyết định dân sự của toà án nước ngoài bao gồm:

- 1) Bản án, quyết định chưa có hiệu lực theo pháp luật nơi tuyên;
- 2) Người phải thi hành không có mặt tại phiên toà do không thông báo hợp lệ;
- 3) Vụ án thuộc thẩm quyền riêng biệt của toà án Việt Nam;
- 4) Đã có bản án và quyết định về vụ án đó được công nhận và thi hành tại Việt Nam hoặc nước ngoài;
- 5) Đã hết hiệu lực theo pháp luật nơi tuyên hoặc theo pháp luật Việt Nam;
- 6) Việc công nhận và thi hành không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Những điều kiện trên được toà án Việt Nam xem xét khi toà ra quyết định công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài tại Việt Nam. Vì điều kiện đó phù hợp với thông lệ quốc tế bảo vệ lợi ích chính đáng của các bên và phù hợp với trật tự pháp lý của Việt Nam.

Trong những năm gần đây Việt nam đã đẩy mạnh quan hệ ngoại giao với các nước và có những ký kết hiệp định tương trợ tư pháp và thương mại, các hiệp định có phần quy định về điều kiện và thủ tục công nhận và thi hành các quyết định của cơ quan tài phán nước kí kết này tại lãnh thổ nước kí kết khác. Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định dân sự của toà án nước ngoài năm 1993, Thông tư số 04 TTLN ngày 24/7/1993 của Bộ Tư pháp trong những năm qua đã phát huy được hiệu quả cao nhưng chưa phù hợp với tình hình thực tế của sự hội nhập còn có nhiều hạn chế cần phải mở rộng thêm về nội dung cũng như những điều khoản.

Tất cả các hiệp định, quyết định của cơ quan tư pháp, nó không chỉ là quyết định của tòa án mà còn liên quan đến nhiều cơ quan khác như hành pháp, tư pháp, lập pháp, giám hộ... của các nước liên quan. Như trên chúng ta đã phân tích, các bản án và quyết định dân sự của tòa án được thể hiện làm hai loại đó là bản án mang tính thủ tục và bản án mang tính chất cưỡng chế thi hành các quyết định đó.

Trong các Hiệp định tương trợ tư pháp trên quy định các điều kiện công nhận và thi hành các quyết định của các cơ quan tư pháp của nhau. Tất cả đều có các điều kiện ràng buộc nhau.

- 1) Quyết định đó đã có hiệu lực pháp luật và hiệu lực thi hành theo pháp luật của nước kí kết nơi đã ra quyết định;
- 2) Cơ quan ra quyết định là cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Hiệp định hoặc theo pháp luật của nước kí kết nơi ra quyết định đó;
- 3) Các quyền tố tụng của bên phải thi hành được đảm bảo;
- 4) Chưa có quyết định nào về vụ việc đó được công nhận và thi hành ở quốc gia kí kết hoặc quốc gia nước thứ ba;
- 5) Việc công nhận và thi hành không trái với chủ quyền và an ninh hoặc trật tự công cộng của quốc gia nước kí kết nơi quyết định cần được công nhận và thi hành;
- 6) Vụ việc không thuộc thẩm quyền riêng biệt của cơ quan tư pháp nước kí kết nơi quyết định cần được công nhận và thi hành.

Qua đó chúng ta thấy các điều kiện công nhận và thi hành quyết định của cơ quan tư pháp nước ngoài đều được đàm phán nghi nhận trong hiệp định tương trợ tư pháp mà các nước đã ký kết cũng như Việt Nam đã tham gia, trong các điều kiện mang tính chất trung của một số quốc gia.

TTBD ĐBDC

